HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2022 /NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đối với hệ thống đê điều do địa phương quản lý

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH BẮC NINH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều;

Xét Tờ trình số 330/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, nhiệm vụ chi tu bổ, duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều do địa phương quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đối với hệ thống đê điều do địa phương quản lý. Cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều do địa phương quản lý.

1.2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các công trình đê điều trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều.

2. Nội dung chi, mức chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều do địa phương quản lý

2.1. Nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều

a) Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê;

b) Sửa chữa gia cố đường gom, đường hành lang chân đê, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê điều;

c) Sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè;

d) Đắp đất, trồng cây chắn sóng;

đ) Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ẩn họa trong thân đê; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê;

e) Kiểm tra đánh giá chất lượng cống dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của cống dưới đê;

g) Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè;

h) Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; Hạt Quản lý đê,kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ;

i) Sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; giếng giảm áp; điếm canh đê;

k) Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão;

l) Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định tại Luật Đê điều, pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2.2. Nội dung chi xử lý cấp bách sự cố đê điều

a) Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè;

b) Xử lý nứt đê;

c) Xử lý sập tổ mối trên đê;

d) Xử lý sụt, lún thân đê;

đ) Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều;

e) Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê;

g) Xử lý lỗ sủi, mạch sủi, bãi sủi, mạch đùn, bục đất, giếng phụt;

h) Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đỉnh đê;

i) Xử lý các sự cố hư hỏng cống qua đê;

k) Hàn khẩu đê;

l) Xử lý giếng giảm áp làm việc không bình thường: nước từ trong giếng, khu vực cát thấm lọc có hiện tượng nước đục và kéo theo bùn cát thoát ra ngoài.

2.3. Mức chi: Mức chi thực,hiện các nội dung duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hàng năm phối hợp rà soát hiện trạng các tuyến đê trên địa bàn tỉnh, đề xuất từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều đối với các tuyến đê trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều của tỉnh. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTVQH; Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính; NN&PTNT (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng CT.HĐND, lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Chung